

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/DS-ST.

Ngày: 27-7-2026.

V/v: “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nguyên.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông Nguyễn Văn Hiền.

+ Ông Nguyễn Văn Hết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp quyền về lối đi qua” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thúy H - Sinh năm: 1964; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, bà H có mặt).

**- Bị đơn:**

1) Ông Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1955 (có mặt);

2) Bà Ngô Thị P1 - Sinh năm: 1960 (có mặt);

3) Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1981 (vắng mặt);

4) Bà Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm: 1986 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre).

5) Bà **Nguyễn Thị D1** - Sinh năm: 1985; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, bà D1 vắng mặt)

6) Bà **Nguyễn Thị D2** - Sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, bà D2 vắng mặt).

7) Ông **Nguyễn Thanh L** - Sinh năm: 1995 (vắng mặt);

8) Ông **Nguyễn Văn T1** - Sinh năm: 1970 (vắng mặt);

9) Anh **Nguyễn Thanh K** - Sinh năm: 2004 (vắng mặt);

10) Bà **Nguyễn Thị Ánh N** - Sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị Thúy H trình bày:*

Bà H đang sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 75), tọa lạc tại xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nằm trong phần đất thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 75) của hộ ông P, bà P1 và thửa đất số 113, tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 75) của ông Nguyễn Thanh L. Để có thể đi ra lộ công cộng thì bà H phải đi qua hai thửa đất nêu trên; do vậy bà H yêu cầu gia đình ông P, bà P1 mở cho bà một lối đi có chiều ngang là 02 (hai) mét chiều dài hết phần đất của hộ ông P, bà P1 là thuộc một phần của thửa đất số 112, tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 75) và yêu cầu hộ ông L mở cho bà một lối đi có chiều ngang là 02 (hai) mét chiều dài hết phần đất của ông L là thuộc một phần của thửa đất số 113, tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 75). Bà đồng ý bồi thường thiệt hại cho việc mở lối theo mức giá mà Hội đồng định giá đã định giá.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Phần lối đi phía trước nhà của ông thì trước đây Tòa án đã bác đơn khởi kiện của bà H. Nay bà H lại yêu cầu mở lối đi ở cạnh đối diện của thửa đất của ông thì ông không đồng ý. Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 75) là của ông và bà P1 chứ không phải là đất của hộ gia đình. Ngoài lối đi mà bà H có yêu cầu thì bà H có thể đi qua phần đất của ông H1 (khoảng 30m), phần đất của em bà H là ông Lê Văn N1 (khoảng 30m) là đến thửa đất khác của bà H và thửa đất này của bà H là có thể đi ra lộ được.

*Những người tham gia tố tụng còn lại là bà P1, ông D, bà T, bà D1, bà D2, ông L, ông T1, bà N, anh K không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.*

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

*Nguyên đơn là bà H trình bày:* Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 5.599.000VNĐ (năm triệu năm trăm chín mươi chín ngàn đồng).

*Bị đơn là ông P, bà P1 trình bày:* Ông P, bà P1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và giữ nguyên lời trình bày của ông P như đã nêu trên.

*Những người tham gia tố tụng còn lại là ông D, bà T, bà D1, bà D2, ông L, ông T1, bà N, anh K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về căn cứ pháp luật được áp dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 58, các điều 143, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; các điều 248, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

(1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H về việc yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề đối với hộ ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Thanh L. Cụ thể: Buộc hộ ông Nguyễn Văn P dành cho bà Lê Thị Thúy H quyền về lối đi qua bất động sản liền kề trên phần đất có diện tích 41,6m<sup>2</sup> là thửa 112B (diện tích 10,4m<sup>2</sup>) và thửa 112C (diện tích 31,2m<sup>2</sup>) thuộc một phần của thửa đất số 112, tờ bản đồ số 07 (nay là tờ bản đồ số 75); buộc ông Nguyễn Thanh L dành cho bà Lê Thị Thúy H quyền về lối đi qua bất động sản liền kề trên phần đất có diện tích 50m<sup>2</sup> gồm thửa 113B (diện tích 12,5m<sup>2</sup>) và 113C (diện tích 37,5m<sup>2</sup>) thuộc một phần của thửa đất số 113, tờ bản đồ số 07 (nay là tờ bản đồ số 75), đất tọa lạc tại xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

(2) Bà H thanh toán cho hộ ông P số tiền thiệt hại cho việc mở lối đi là: 14.130.000VNĐ (mười bốn triệu một trăm ba mươi ngàn đồng) và bồi thường thiệt hại cho ông L về việc mở lối đi với số tiền là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc chịu toàn bộ chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 5.599.000VNĐ (năm triệu năm trăm chín mươi chín ngàn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp quyền về lối đi qua trên phần đất tọa lạc tại xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Bà P1, ông D, bà T, bà D1, bà D2, ông L, ông T1, bà N, anh K vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 20/4/2026; nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông D, bà T, bà D1, bà D2, ông L, ông T1, bà N, anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D, bà T, bà D1, bà D2, ông L, ông T1, bà N, anh K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Kết quả của việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản:

[3.1] Ông P, bà P1 không cho đo đạc; ông L thống nhất ranh đất theo hồ sơ địa chính; việc xác định vị trí lối đi mà bà H có yêu cầu là từ ranh theo hồ sơ địa chính trở vào phần đất của ông L, phần đất của hộ ông P, bà P1. Hiện trạng lối đi bà H có yêu cầu phần lớn là con mương ranh và có một cây dừa loại 1 ở cạnh mương ranh.

[3.2] Phần đất có giá trị là 300.000VNĐ/m<sup>2</sup>; một cây dừa loại 1 có giá trị là 1.650.000VNĐ/cây.

[3.3] Phần lối đi mà bà H có yêu cầu mở trên đất của hộ ông P, bà P1 là thửa đất số 112B có diện tích là 10,4m<sup>2</sup>; thửa đất số 112C có diện tích là 31,2m<sup>2</sup>; tổng diện tích của hai thửa đất này là 41,6m<sup>2</sup>.

[3.4] Phần lối đi mà bà H có yêu cầu mở trên đất của ông L là thửa đất số 113B có diện tích là 12,5m<sup>2</sup>; thửa đất số 113C có diện tích là 37,5m<sup>2</sup>; tổng diện tích của hai thửa đất này là 50,0m<sup>2</sup>.

[4] Phần lối đi hiện nay bà H có yêu cầu là giáp ranh với thửa đất số 87 (hiện do ông H2 canh tác, sử dụng); ở cạnh đối diện với lối đi mà hiện nay bà H có yêu cầu thì có một lối đi mà gia đình ông P, bà P1, ông L sử dụng để đi ra

đường và đó cũng chính là lối đi mà trước đây bà H có yêu cầu mở lối đi nhưng tại bản án số: 73/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và bản án số: 29/2018/DS-PT ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã không chấp nhận yêu cầu mở lối đi của bà H.

[5] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 113, tờ bản đồ 07 của ông Nguyễn Thanh L có diện tích 1.465,8m<sup>2</sup>; thửa đất số 112, tờ bản đồ 07 của hộ ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1 có diện tích là 1.316,3m<sup>2</sup>.

[6] Tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi. Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

Ông P, bà P1 cho rằng bà H có thể đi trên phần đất của ông H1 (dài khoảng 30m), ông N1 (dài khoảng 30m), tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông P, bà P1 không hợp tác trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc; trên phần đất của ông H1, ông N1 mà ông P, bà P1 trình bày là chưa có lối đi, có chiều dài là dài hơn so với chiều dài các cạnh của các thửa đất số 112, 113. Hiện nay, phần đất bà H đang sử dụng (thửa 102) là nằm phía bên trong phần đất thuộc thửa 112 của hộ ông P, bà P1 và thửa đất số 113 của ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do hộ ông L sử dụng. Phần lối đi bà H yêu cầu mở trên đất của hộ ông P, bà P1 có diện tích là 41,6m<sup>2</sup> và trên đất của ông L là 50,0m<sup>2</sup>; diện tích yêu cầu mở lối đi là rất nhỏ so với phần đất của hộ ông P và ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi này là đoạn thẳng từ lộ đāl đến phần đất của bà H và phần lớn, gần như hầu hết là con mương ranh nên việc mở lối đi tại vị trí này là thuận tiện và hợp lý nhất, ít gây ảnh hưởng nhất đến việc sử dụng đất của bị đơn nên chấp nhận yêu cầu về việc mở lối đi của bà H.

[7] Về bồi thường thiệt hại cho việc mở lối đi:

Bà H phải bồi thường cho hộ ông P, bà P1 giá trị quyền sử dụng đất cho việc mở lối đi được tính như sau: 41,6m<sup>2</sup> x 300.000VNĐ/m<sup>2</sup> = 12.480.000VNĐ (mười hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) và giá trị của một cây dừa loại 1 là 1.650.000VNĐ (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng); tổng cộng là: 14.130.000VNĐ (mười bốn triệu một trăm ba mươi ngàn đồng).

Bà H phải bồi thường cho ông L giá trị quyền sử dụng đất cho việc mở lối đi được tính như sau:  $50,0\text{m}^2 \times 300.000\text{VNĐ/m}^2 = 15.000.000\text{VNĐ}$  (mười lăm triệu đồng).

[8] Về xử lý tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản là: 5.599.000VNĐ (năm triệu năm trăm chín mươi chín ngàn đồng) bà H đã nộp đủ. Tại phiên tòa, bà H nhận chịu toàn bộ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên Ông P, bà P1, ông D, bà T, bà D1, bà D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng); ông L, ông T1, bà N, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng); bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên bà H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho việc mở lối đi.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 245, 254, 288, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 29, 133 của Luật Đất đai năm 2024; các điều 5, 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); các điều 12, 15, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. T2:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2 phải mở cho bà Lê Thị Thúy H một lối đi trên phần đất thuộc thửa đất số 112B, tờ bản đồ số 75 (trước đây là tờ bản đồ số 7) có diện tích là  $10,4\text{m}^2$  (mười phẩy bốn mét vuông) và thửa đất số thửa đất số 112C, tờ bản đồ số 75 (trước đây là tờ bản đồ số 7) có diện tích là  $31,2\text{m}^2$  (ba mươi một phẩy hai mét vuông) theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 19/3/2026 của của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Vĩnh Long (có họa đồ kèm theo bản án);

Bà H được quyền cải tạo, sửa chữa, tu bổ, bồi đắp,... trong phạm vi phần đất được mở lối đi để đảm bảo cho việc đi lại; buộc ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2 có nghĩa vụ di dời, bứng, đốn bỏ để di dời một cây dừa loại 1 hoặc phá bỏ để di dời các tài sản (nếu có phát sinh sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ) để mở cho bà H lối đi như đã nêu trên.

2/ Buộc ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Ánh N, anh Nguyễn Thanh K phải mở cho bà Lê Thị Thúy H một lối đi trên phần đất thuộc thửa đất số 113B, tờ bản đồ số 75 (trước đây là tờ bản đồ số 7) có diện tích là  $12,5m^2$  (mười hai phẩy năm mét vuông) và thửa đất số 113C, tờ bản đồ số 75 (trước đây là tờ bản đồ số 7) có diện tích là  $37,5m^2$  (ba mươi bảy phẩy năm mét vuông) theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 19/3/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Vĩnh Long (có họa đồ kèm theo bản án).

Bà H được quyền cải tạo, sửa chữa, tu bổ, bồi đắp,... trong phạm vi phần đất được mở lối đi để đảm bảo cho việc đi lại; buộc ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Ánh N, anh Nguyễn Thanh K có nghĩa vụ di dời, bứng, đốn bỏ để di các tài sản (nếu có phát sinh sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ) để mở cho bà H lối đi như đã nêu trên.

3/ Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1 đối với phần đất mở lối đi thuộc thửa đất số 112B, 112C tờ bản đồ số 75 (trước đây là tờ bản đồ số 7), và tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Thanh L đối với phần đất mở lối đi thuộc thửa đất số 113B, 113C tờ bản đồ số 75 (trước đây là tờ bản đồ số 7) theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 19/3/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai khu vực 24, tỉnh Vĩnh Long. Bà H được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi mà hộ ông P, bà P1; ông L có quyền sử dụng đất và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4/ Buộc bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về việc mở lối đi cho hộ ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2 với số tiền là: 14.130.000VNĐ (mười bốn triệu một trăm ba mươi ngàn đồng; bao gồm: 12.480.000VNĐ giá trị quyền sử dụng đất và giá trị của một cây dừa loại 1 là 1.650.000VNĐ).

5/ Buộc bà Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về việc mở lối đi cho ông Nguyễn Thanh L với số tiền là: 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng).

6/ Về xử lý tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản: Ghi nhận bà H tự nguyện nhận chịu 5.599.000VNĐ (năm triệu năm trăm chín mươi chín ngàn đồng) tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thu thập chứng cứ, định giá tài sản, số tiền này bà H đã nộp đủ.

7/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1) Bà Lê Thị Thúy H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

7.2) Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Ngô Thị P1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2 có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

7.3) Buộc ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Ánh N, anh Nguyễn Thanh K có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

8/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

9/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

10/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**Nguyễn Văn Nguyên**